

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 1.12.2021

CHÂN NHƯ

Kinh Jarāmarāṇa (Jarāmarāṇasuttam)

CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 70)

*Định lý vô thường “hữu sanh hữu diệt” chi phối vạn hữu. Khát vọng muốn thưở của chúng sanh là đi tìm cái vĩnh hằng. Một vị vua làm chủ một vương quốc hùng cường bậc nhất thời đó đã đến bạch hỏi Phật về cái gì “có sanh mà không có diệt”. Đức Phật dạy rõ “**Natthi kho, jātassa aññatra jarāmarāṇā. – không có cái gì sanh mà không già và không chết**”. Kệ ngôn cuối của Phật ngôn chứa đựng lời dạy không đơn giản để lãnh hội: “**Satañca dhammo na jaraṃ upeti, Santo have sabbhi pavedayantī**”**ti. – Có pháp không bị già. Pháp bậc Chí Thiện dạy**”.*

Sớ giải nêu lên ba pháp bất diệt (pháp không bị già):

A. Chân như Niết bàn. Là thực tánh vô vi, vượt ngoài định luật nghiệp và duyên.

B. Chín siêu thế Pháp là bốn đạo, bốn quả, và niết bàn (chú giải Kinh Pháp Cú câu 123).

C. Chánh pháp do bậc trí tuyên thuyết vượt ngoài thời gian. Nghĩa là dù trong quá khứ, hiện tại, vị lai thì thật tánh pháp vẫn vậy không thay đổi.

Rõ ràng Đức Phật không chỉ nói lên hình ảnh bất toàn mà còn chỉ con đường giải thoát “Nếu có cái bị sanh già đau chết chi phối thì phải có cái không bị sanh già đau chết chi phối” (Kinh Thánh Câu, Trung Bộ)”. Dù “pháp không già” nói ở phạm trù nào thì đều là công án lớn cho tất cả người tu Phật.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Ở tại Sāvattthī.

Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca –
Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

“atthi nu kho, bhante, jātassa aññatra jarāmarañā”’ti?

-- Bạch Thế Tôn, có cái gì sanh mà không già và không chết không?

“Natthi kho, mahārāja, jātassa aññatra jarāmarañā.

-- Thưa Đại vương, không có cái gì sanh mà không già và không chết.

**Yepi te, mahārāja, khattiyamahāsālā aḍḍhā mahaddhanā mahābhogā
pahūtajātarūparajatā pahūtavittūpakaraṇā pahūtadhanadhaññā, tesampi
jātānaṃ natthi aññatra jarāmarañā.**

Thưa Đại vương, dầu cho những vị Sát-đế-ly là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc. Các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

**Yepi te, mahārāja, brāhmaṇamahāsālā...pe... gahapatimahāsālā aḍḍhā
mahaddhanā mahābhogā pahūtajātarūparajatā pahūtavittūpakaraṇā
pahūtadhanadhaññā, tesampi jātānaṃ natthi aññatra jarāmarañā.**

Thưa Đại vương, dầu cho những vị Bà-la-môn là những bậc đại phú, dầu cho những gia chủ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc, các vị ấy có sanh cũng không thoát khỏi già và chết.

**Yepi te, mahārāja, bhikkhū arahanto khīṇāsavā vusitavanto katakaraṇīyā
ohitabhārā anuppattasadatthā parikkhīṇabhavasamyojanā
sammadaññāvimuttā, tesam pāyaṃ kāyo bhedanadhammo
nikkhepanadhammo”’ti. Idamavoca...pe...**

Thưa Đại vương, cho đến các vị Tỷ-kheo, những bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích tối hậu, đã đoạn được hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí, cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại, cũng phải bị từ bỏ.

**“Jīranti ve rājarathā sucittā,
Atho sarīrampi jaraṃ upeti;
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,
Santo have sabbhi pavedayantī”’ti.**

Xe vua dầu mỹ diệu,
Rồi cũng phải hư hoại,
Thân thể này cũng vậy,
Rồi cũng phải già yếu.
Chỉ thiện pháp không già,
Bậc thiện nhân nói vậy.

Bản hiệu đính

*Long xa đẹp vẫn hư,
Thân này rồi lão hoá,
Có pháp không bị già:
Pháp Bậc Chí Thiện dạy.*



Thích văn

Jīranti ve rājarathā sucittā

= Xe vua dù thật đẹp cũng hư mòn

Atho sarīrampi jaraṃ upeti

= Thì thân này rồi sẽ đến lúc già nua

Satañca dhammo na jaraṃ upeti

= Có pháp không đi đến lão hoá

Santo have sabbhi pavedayantī”’ti

= Chính là pháp được tuyên thuyết bởi Bậc Chí Thiện



Thích nghĩa

Theo Sớ giải chữ dhamma được hiểu là pháp thiện (đối lập với adhamma – phi pháp) đi với chữ sabbhi - bậc thiện phải hiểu là “pháp tối thiện được tuyên bố bởi Bậc Chí Thiện”. Hàm ý là chân như niết bàn được tuyên thuyết do Đức Phật. Chữ thiện trong cả hai “tối thiện” và “chí thiện” mang ý nghĩa “vượt lên hai đối đãi thiện ác”. Đây là điểm rất tế nhị trong Phật học.

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
-ooOoo-

3. Jarāmarāṇasuttam [Mūla]

114. Sāvattihinidānaṃ. Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantam etadavoca – ‘‘atthi nu kho, bhante, jātassa aññatra jarāmarāṇā’’ti? ‘‘Natthi kho, mahārāja, jātassa aññatra jarāmarāṇā. Yepi te, mahārāja, khattiyamahāsālā aḍḍhā mahaddhanā mahābhogā pahūtajātarūparajatā pahūtavittūpakaraṇā pahūtadhanadhaññā, tesampi jātānaṃ natthi aññatra jarāmarāṇā. Yepi te, mahārāja, brāhmaṇamahāsālā...pe... gahapatimahāsālā aḍḍhā mahaddhanā mahābhogā pahūtajātarūparajatā pahūtavittūpakaraṇā pahūtadhanadhaññā, tesampi jātānaṃ natthi aññatra jarāmarāṇā. Yepi te, mahārāja, bhikkhū arahanto khīṇāsavā vusitavanto katakaraṇīyā ohitabhārā anuppattasatthā parikkhīṇabhavasamyojanā sammadaññāvimuttā, tesam pāyaṃ kāyo bhedanadhammo nikkhepanadhammo’’ti. Idamavoca...pe...

‘‘Jīranti ve rājarathā sucittā,
Atho sarīrampi jaraṃ upeti;
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,
Santo have sabbhi pavedayanti’’ti.

3. Jarāmarāṇasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

114. Tatiye aññatra jarāmarāṇāti jarāmarāṇato mutto nāma atthīti vuccati. **Khattiyamahāsālā**ti khattiyamahāsālā nāma mahāsārappattā khattiyā. Yesam hi khattiyānaṃ heṭṭhimantena koṭisataṃ nidhānagataṃ hoti, tayo kahāpaṇakumbhā valañjanatthāya gehamajjhe rāsimaṃ katvā ṭhapitā honti, te **khattiyamahāsālā** nāma. Yesam brāhmaṇānaṃ asītikoṭidhanaṃ nihitaṃ hoti, diyaḍḍho kahāpaṇakumbho valañjanatthāya gehamajjhe rāsimaṃ katvā ṭhapito hoti, te **brāhmaṇamahāsālā** nāma. Yesam gahapatīnaṃ cattālīsakoṭidhanaṃ nihitaṃ hoti, kahāpaṇakumbho valañjanatthāya gehamajjhe rāsimaṃ katvā ṭhapito hoti, te **gahapatimahāsālā** nāma.

Aḍḍhāti issarā. Nidhānagatadhanassa mahantatāya **mahaddhanā**. Suvaṇṇarajatabhājanādīnaṃ upabhogabhaṇḍānaṃ mahantatāya **mahābhogā**. Anidhānagatassa jātarūparajatassa pahūtātāya, **pahūtajātarūparajatā**. Vittūpakaraṇassa tuṭṭhikaraṇassa pahūtātāya **pahūtavittūpakaraṇā**. Godhanādīnañca sattavidhadhaññānañca pahūtātāya pahūtadhanadhaññā. **Tesampi jātānaṃ natthi aññatra jarāmarāṇāti** tesampi evaṃ issarānaṃ jātānaṃ nibbattānaṃ natthi aññatra jarāmarāṇā, jātattāyeva jarāmarāṇato mokkho nāma natthi, antojarāmarāṇeyeva hoti.

Arahantotiādīsu ārakā kilesehīti arahanto. Khīṇā etesaṃ cattāro āsavāti **khīṇāsavā**. Brahmācariyavāsaṃ vuṭṭhā pariniṭṭhitavāsāti **vusitavanto**. Catūhi maggehi karaṇīyaṃ etesaṃ katanti **katakaraṇīyā**. Khandhabhāro kilesabhāro abhisāṅkhārabhāro kāmaguṇabhāro, ime ohitā bhārā etesanti **ohitabhārā**. Anupatto arahattasaṅkhāto sako attho etesanti **anuppattasadatthā**. Dasavidhampi parikkhīṇaṃ bhavasamyojanaṃ etesanti **parikkhīṇabhavasamyojanā**. Sammā kāraṇehi jānitvā vimuttāti **sammadaññāvimuttā**. Maggapaññāya catusaccadhammaṃ ñatvā phalavimuttiyā vimuttāti attho. **Bhedanadhammoti** bhijjanasabhāvo. **Nikkhepanadhammoti** nikkhipitabbasabhāvo. Khīṇāsavassa hi ajīraṇadhammopi atthi, ārammaṇato paṭividdhaṃ nibbānaṃ, taṃ hi na jīrati. Idha panassa jīraṇadhammaṃ dassento evamāha. Atthupattiko kirassa suttassa nikkhepo. Sivikasālāya nisīditvā kathitanti vadanti. Tattha bhagavā citrāni rathayānādīni disvā diṭṭhameva upamaṃ katvā, “jīranti ve rājarathā”ti gāthamāha.

Tattha **jīrantīti** jaraṃ pāpuṇanti. **Rājarathāti** rañño abhirūhanarathā. **Sucittāti** suvaṇṇarajatādīhi suṭṭhu cittitā. **Atho sarīrampi jaraṃ upetīti** evarūpesu anupādiṇṇakesu sārādārumayesu rathesu jīrantesu imasmim ajjhattike upādiṇṇake maṃsalohitādimaye sarīre kiṃ vattabbaṃ? Sarīrampi jaraṃ upetiyevāti attho. **Santo have sabbhi pavedayantīti** santo sabbhīhi saddhiṃ satam dhammo na jaraṃ upetīti evaṃ pavedayanti. “Satam dhammo nāma nibbānaṃ, taṃ na jīrati, ajaraṃ amatanti evaṃ kathentī”ti attho. Yasmā vā nibbānaṃ āgamma sīdanasabhāvā kilesā bhijjanti, tasmā taṃ sabbhīti vuccati. Iti purimāpadassa kāraṇaṃ dassento “santo have sabbhi pavedayantī”ti āha. Idaṃ hi vuttaṃ hoti – satam dhammo na jaraṃ upeti, tasmā santo sabbhi pavedayanti. Ajaraṃ nibbānaṃ satamdhammoti ācikkhantīti attho. Sundarādhivacanaṃ vā etaṃ sabbhīti. Yaṃ sabbhidhammabhūtaṃ nibbānaṃ santo pavedayanti kathayanti, so satam dhammo na jaraṃ upetītipi attho. Tatiyaṃ.